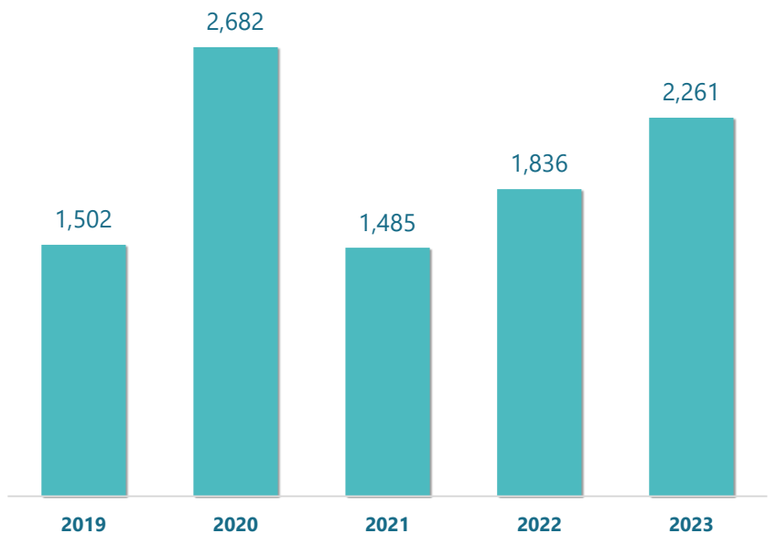
CTCP Sản xuất và kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI

FireAnt

Ngày 29/12/2023	11,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,240 - 11,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14
Số lượng CPLH (CP)	1,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	
P/E	

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

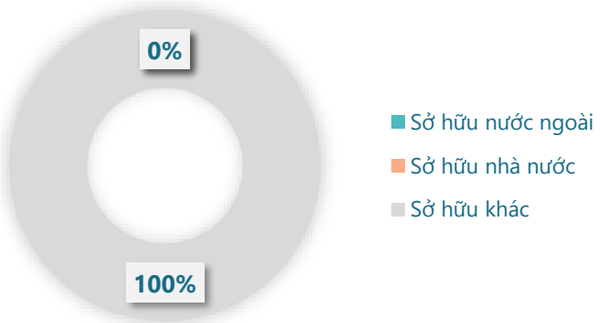
DT thuần
2023
333
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.0| 4.1%

LN trước thuế
2023
3.76
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.85| 29.5%

LN sau thuế
2023
2.83
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.54| 23.2%

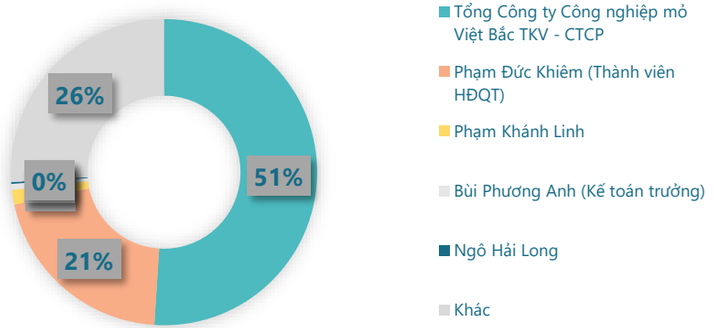
ROE
2023
14.2%
+/- YoY: ▲ 2.3%

Cơ cấu sở hữu



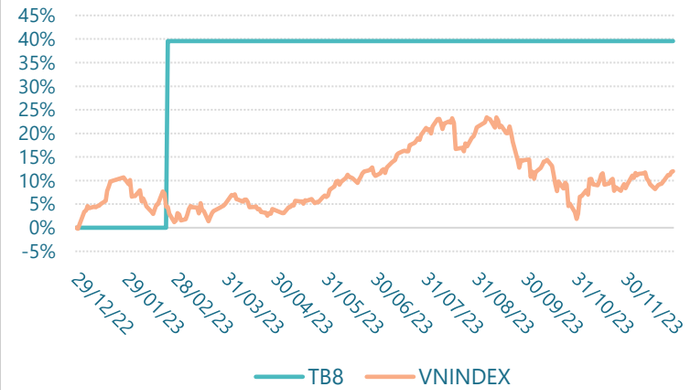
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

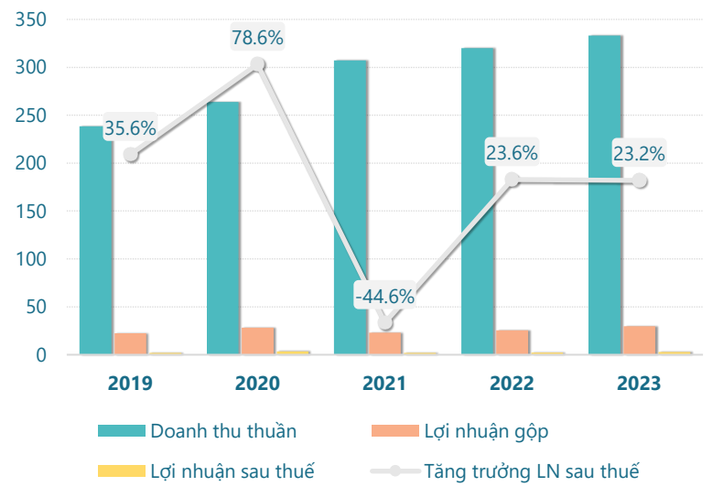
Tỷ suất lợi nhuận



CTCP Sản xuất và kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI

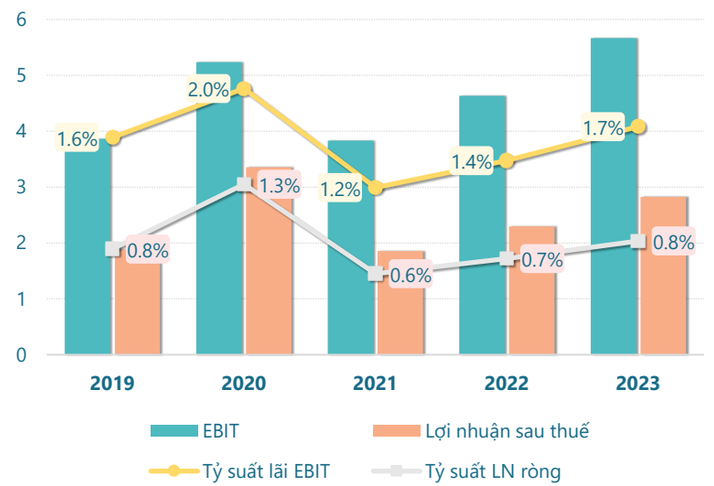
FireAnt

Kết quả kinh doanh



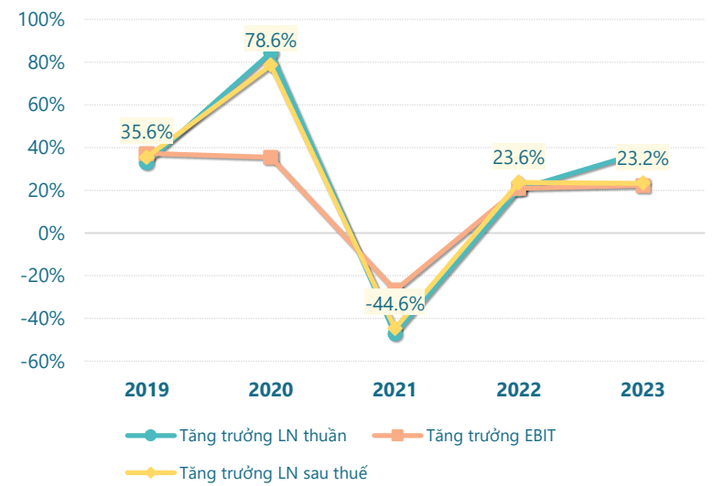
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



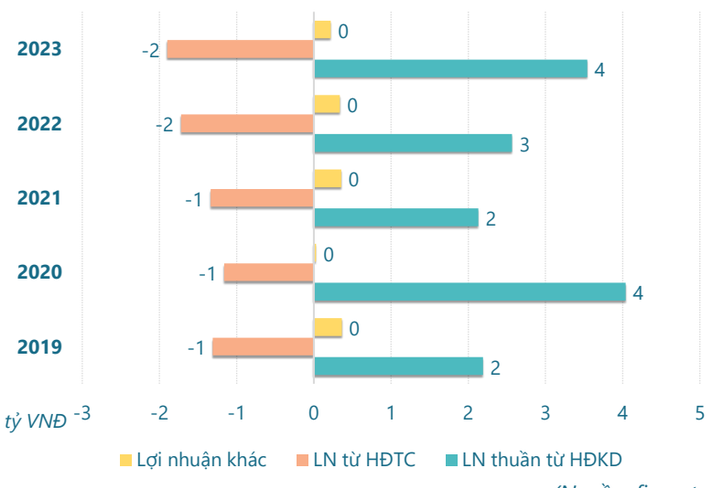
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



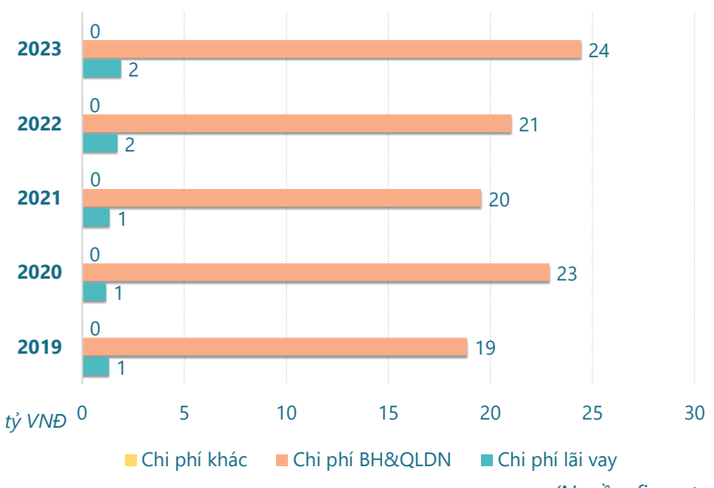
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



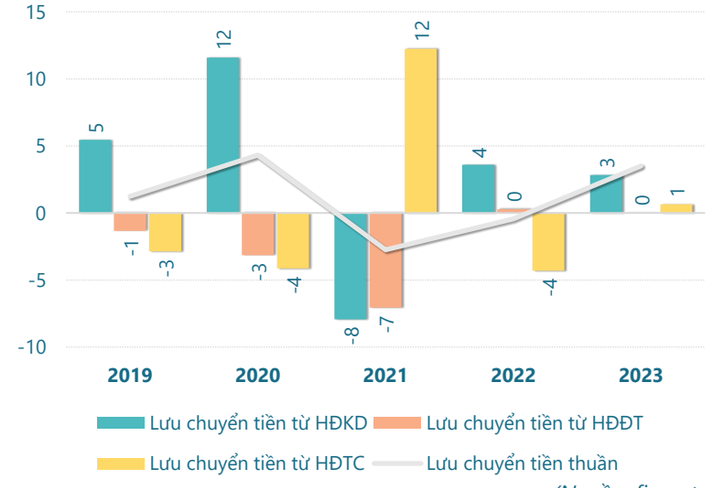
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

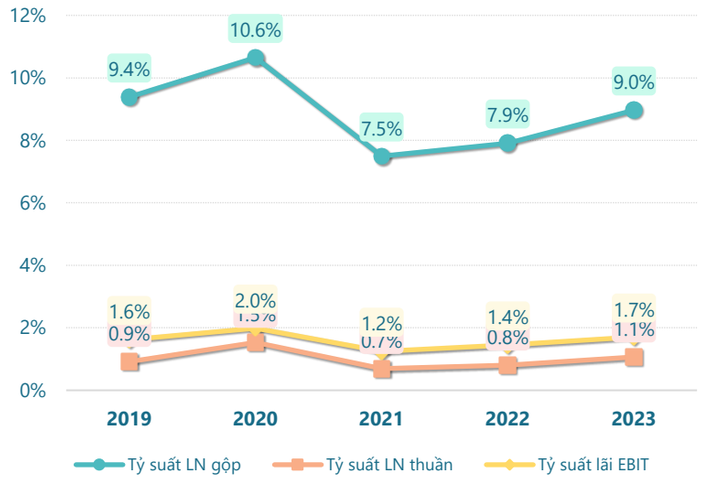


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sản xuất và kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI

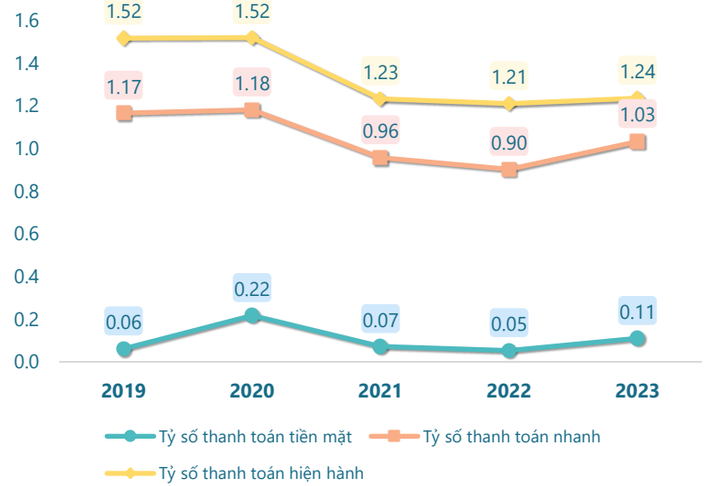
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



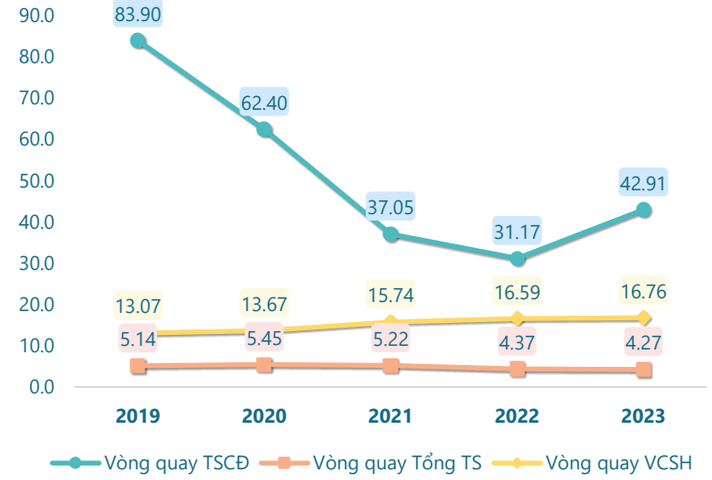
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



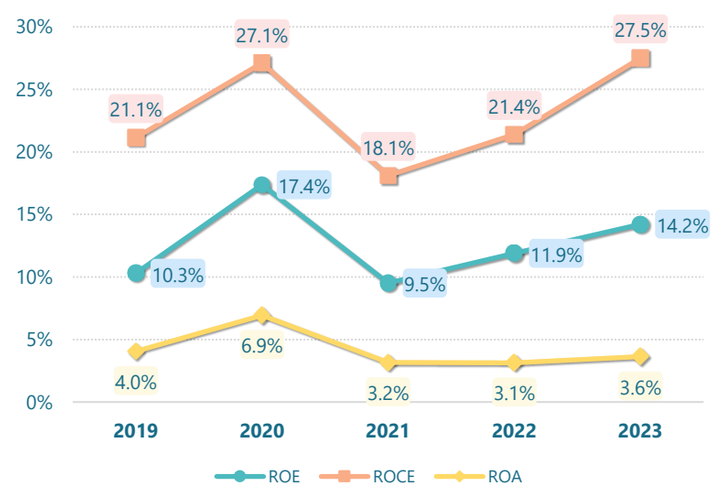
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



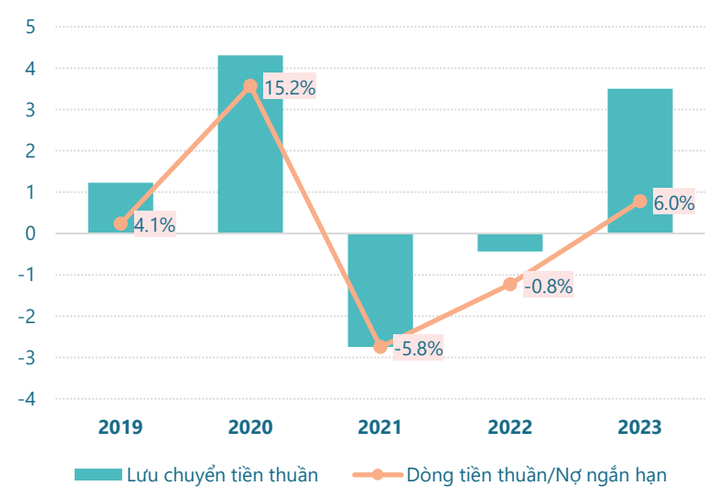
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



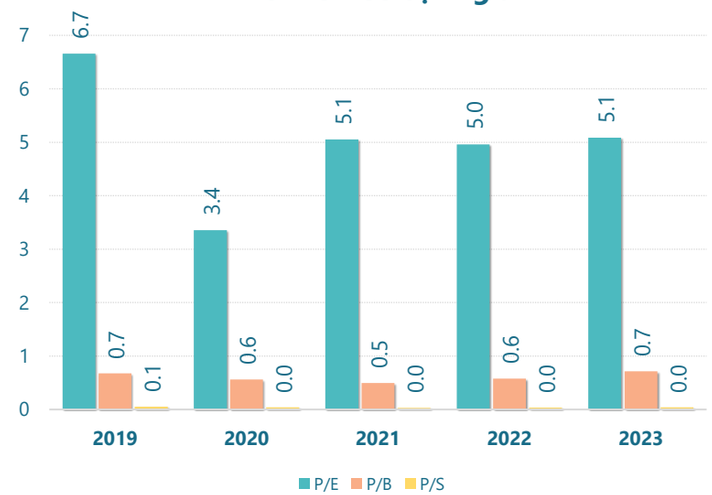
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)